TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/ HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 7 năm 2025
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Nhã Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Tâm

2. Ông Phạm Phước Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân - Thư ký viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 36/TB-TA ngày 20 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị P**, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp B, xã L, tỉnh Vĩnh Long (ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh cũ)

Địa chỉ liên hệ: Công ty H, đường số F, K, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn P1**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp A, xã B, tỉnh Đồng Tháp (Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cũ).

(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị P và anh Lê Văn P1 qua thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý cho tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01/2011 cấp ngày 17 tháng 5 năm 2011.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc và có với nhau được hai người con chung. Thời gian sau này, cuộc sống hôn nhân đã có nhiều thay đổi, vợ chồng do không cùng quan điểm sống nên không thể hòa hợp để chung sống với nhau. Chị P và anh P1 đã không còn chung sống khoảng 07 năm, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không có sự chia sẻ, quan tâm trong cuộc sống. Chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn để sống hạnh phúc với nhau nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn P1.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 06/4/2011 và Lê Thị Ngọc T1, sinh ngày 04/3/2013 hiện đang sống với chị P. Khi ly hôn chị P yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị P không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Lê Văn P1:

Anh Lê Văn P1 đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Căn cước công dân của chị Dương Thị P (photo); Giấy chứng nhận kết hôn của chị Dương Thị P và anh Lê Văn P1 (bản chính); Giấy khai sinh Lê Thị Ngọc T1 và Lê Thị Cẩm T (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị P về việc yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn P1 và yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con".*

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã X, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt đương sự tại phiên tòa: Anh Lê Văn P1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Đồng thời, chị Dương Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Dương Thị P và anh Lê Văn P1.

Về nội dung

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị P và anh Lê Văn P1 qua thời gian tìm hiểu, xây dựng tình cảm để tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2011 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị P yêu cầu ly hôn vì cho rằng không còn tình cảm với anh P1, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P và anh P1 đã không còn chung sống khoảng 07 năm, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn cơ hội hàn gắn tình cảm. Về phía anh Lê Văn P1 là bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các thông báo của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do cũng như không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ nhận định anh P1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm, đời sống hôn nhân như chị P trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

- Về con chung: Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 06/4/2011 và Lê Thị Ngọc T1, sinh ngày 04/3/2013 hiện đang sống với chị P. Khi ly hôn chị P yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị P không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay con chung sống với chị P đang phát triển và được chăm sóc tốt, đồng thời hai cháu cũng có nguyện vọng được sống chung với chị P. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của các cháu nên việc chị P yêu cầu được nuôi cháu Lê Thị Ngọc T1 và Lê Thị Cẩm T là phù hợp nên chấp nhận. Anh P1 cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì đối với nội dung con chung và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chị P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Thị Ngọc T1 và Lê Thị Cẩm T. Về cấp dưỡng nuôi con chị P không có yêu cầu anh P1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Anh Lê Văn P1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày không có, riêng anh P1 không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị P phải chịu

300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai số 0002337 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Dương Thị P.

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị P được ly hôn với anh Lê Văn P1.

- Về con chung: Chị Dương Thị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 06/4/2011 và Lê Thị Ngọc T1, sinh ngày 04/3/2013. Anh Lê Văn P1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị P không có yêu cầu.

Anh Lê Văn P1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai số 0002337 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 9 - Đồng Tháp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Ủy ban nhân dân xã Ba Sao;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Phan Thị Nhã Quyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tâm – Phạm Phước Tâm **Phan Thị Nhã Quyên**